

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 48/2018/HNGĐ – ST

Ngày: 25/10/2018

V/v “Xin ly hôn”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hoài Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trương Thành Hải
Ông Mai Quế Anh

Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Ngô Văn Đạt - *Kiểm sát viên*

Trong ngày 25/10/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 356/2018/TLST – HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2018, về việc “*Xin ly hôn*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 53/2018/QĐST - HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Nguyễn Lam S, sinh năm: 1986 (có mặt)

Địa chỉ: Khu phố Phú Xuân, Phường Phú Thịnh, TX Bình Long, tỉnh Bình Phước

Hiện ở tại: Khu phố Ninh Thịnh, TT Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, Bình Phước

Bị đơn: Bà Trần Thị Mỹ Hảo, sinh năm: 1990 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 6A. Xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 17 tháng 7 năm 2018, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Nguyễn Lam S trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà H tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn và được cấp giấy chứng nhận đăng ký kết hôn ngày 04/4/2014 tại UBND phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Trước khi kết hôn hai bên có tìm hiểu nhau khoảng bảy tháng. Sau khi kết hôn vợ chồng sống tự lập tại khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Nay ông S xin ly hôn với bà H.

Về con chung: Có hai người con chung tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/11/2014, người con tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/11/2014. Khi ly hôn, ông S xin được nuôi dưỡng hai con. Không yêu cầu bà H cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà H không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Ông S và bà H tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông S và bà H không nợ ai cũng không ai nợ lại.

Bị đơn bà Trần Thị Mỹ Hảo trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Thống nhất với ông S, bà H và ông S tự nguyện sống chung và đăng ký kết hôn vào năm 2014 tại UBND phường Phú Thịnh, thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước. Trước khi sống chung hai bên có tìm hiểu nhau khoảng bảy tháng. Sau đó vợ chồng sống tại khu phố Ninh Thịnh, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 12/2017 thì phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm, vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Nay bà H đồng ý ly hôn với ông S.

Về con chung: Thống nhất như ông S. Ông S và bà H có 02 con chung, con tên Nguyễn Hữu T sinh ngày 02/11/2014, con tên Nguyễn Hữu T – sinh ngày 02/11/2014. Khi ly hôn, bà H xin được nuôi hai con, không yêu cầu ông S cấp dưỡng nuôi con. Hiện nay bà H không có mang thai, vợ chồng không có con nuôi.

Về tài sản chung: Bà H và ông S tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về nợ chung: Không có.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về việc chấp hành tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, nguyên đơn, bị đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xác định mối quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết, thực hiện thủ tục tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát, thành phần tham gia xét xử được thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm. Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh không có kiến nghị về tố tụng.

Về nội dung: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Lam S.

Về hôn nhân: Ông S được ly hôn với bà H, về con chung mỗi người nuôi một người con, về cấp dưỡng nuôi con, không ai yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông S và bà H không yêu cầu giải quyết nên không xem xét, về nợ chung: Ông S và bà H khai không có nên không xem xét.

Về án phí: Ông S chịu án phí theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng, tranh luận tại phiên tòa và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Nguyên đơn ông Nguyễn Lam S có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh giải quyết ly hôn với bà Trần Thị Mỹ Hảo. Xét bà H cư trú tại xã ấp 6a, xã Lộc Tấn, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Nguyên đơn, bị đơn chấp hành pháp luật.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Ông S và bà H tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 29 ngày 04/4/2014 của Ủy ban nhân dân phường Phú Thịnh, Thị xã Bình Long, tỉnh Bình Phước nên có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông S và bà H là hợp pháp.

[3] Đối với yêu cầu xin ly hôn của ông S, Hội đồng xét xử xét thấy: Mâu thuẫn giữa ông S và bà H phát sinh trong quá trình sống chung, theo ông S thì nguyên nhân mâu thuẫn do vợ chồng tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, vợ chồng thường cãi nhau nên cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Bà H thống nhất giữa vợ chồng có phát sinh mâu thuẫn trong thời gian sống chung do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm, bà H đồng ý ly hôn với ông S. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án mở phiên hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Ông S cũng xác định không còn tình cảm với bà H và cương quyết xin ly hôn. Như vậy từ khi phát sinh mâu thuẫn cho đến nay ông S và bà H vẫn không có biện pháp hòa giải mâu thuẫn giữa vợ chồng, mâu thuẫn giữa ông S và bà H không có khả năng hàn gắn, trình trạng hôn nhân đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ vào Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông S.

[4] Về con chung: Ông S và bà H có hai người con chung, người con tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/11/2014, người con tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/11/2014, ông S và bà H đều xin được nuôi dưỡng hai con. Theo ông S trình bày hiện nay ông S làm việc tại Công ty cao su huyện Lộc Ninh, thu nhập hàng tháng là 4.750.000đ/ tháng và ông S có vườn cao su hiện đang khai thác mủ cao su với diện tích 40.000m². Theo bà H trình bày thì bà làm việc đang công ty cao su Lộc Ninh và công ty xây dựng Thành Phước, theo xác nhận tính lương hàng tháng của công ty cao su Lộc Ninh và công ty TNHH TM xây dựng Thành Phước tổng thu nhập hàng tháng là 8.740.000đ/tháng, ngoài ra bà khai nhận còn có vườn, đất do ba mẹ cho bà nhưng chưa sang tên, như vậy ông S và bà H đều đủ thu nhập ổn định nuôi dưỡng hai người con. Trong thời gian không sống chung với nhau ông S cũng có sự quan tâm đến con chung, vì vậy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông S, giao người con tên Nguyễn Hữu T sinh ngày 02/11/2014 cho ông S nuôi dưỡng, bà H nuôi người con tên Nguyễn Hữu T sinh ngày 02/11/2014

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] Về tài sản chung: Ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Từ những nhận định trên nên quan điểm nội dung vụ án của đại diện VKS tại phiên tòa được chấp nhận.

[8] Về án phí: Căn cứ khoản 4 điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc

Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy ông S chịu số tiền án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện xin ly hôn của ông Nguyễn Lam S;

Về quan hệ hôn nhân: ông Nguyễn Lam S được ly hôn với bà bà Trần Thị Mỹ Hào.

Về con chung: Bà H nuôi người con tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/11/2014, ông S nuôi người con tên Nguyễn Hữu T, sinh ngày 02/11/2014.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

Về tài sản chung: Ông S và bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

2. Về án phí: Ông S chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006131 ngày 04/9/2018.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoài Nam

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi... ..giờ.....phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Tại: Phòng nghị án Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Kiều Chinh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Nguyễn Thị Hương

Tiến hành nghị án vụ án dân sự thụ lý số: 180/2017/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2017, về việc: “*Xin ly hôn*” giữa:

1. Nguyên đơn: Bà Lê Thị Thanh Tâm - sinh năm: 1977

2. Bị đơn: Ông Trần Hưng Đoàn - sinh năm: 1973

Cùng địa chỉ: Số 43, đường Nguyễn Du, khu phố Ninh Hòa, thị trấn Lộc Ninh, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước.

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật:

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT,
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU**

1. Về điều luật áp dụng:
 - Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;
 - Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.
 - Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.
2. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Lê Thị Thanh Tâm được ly hôn với ông Trần Hưng Đoàn. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.
3. Về con chung: Giao cháu Trần Hưng Đăng Khoa - sinh ngày 27/9/2007 cho bà Tâm nuôi. Bà Tâm không yêu cầu ông Đoàn cấp dưỡng nuôi con nên không xem xét. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.
4. Về tài sản chung: Bà Tâm và ông Đoàn không yêu cầu Tòa án giải quyết. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.
5. Về nợ: Không có. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.
6. Về án phí: Bà Tâm chịu 300.000đ án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0014752 ngày 12/7/2017. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.
7. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. HĐXX thống nhất biểu quyết với tỉ lệ $3/3 = 100\%$.

Nghị án kết thúc vào hồi..... giờ..... phút, ngày 21 tháng 9 năm 2017.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và ký tên dưới đây.

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nguyễn Văn Ngân

Nguyễn Thị Hương

Lê Thị Kiều Chinh